

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104035

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403503

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Diễm Trinh - (04124)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100199	Trần Thái An	08/08/2004		7.0	bảy	C24QT6	
2	2210100212	Lê Thị Hồng Anh	27/04/2003		7.5	bảy rưỡi	C24QT6	
3	2210100207	Lý Thảo Anh	30/06/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
4	2210100184	Nguyễn Lâm Tuấn Anh	23/03/2004		10.0	mười	C24QT6	
5	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy Ái	18/09/2004		6.0	sáu	C24QT6	
6	2210100213	Võ Trọng Hùng	20/10/2003		7.0	bảy	C24QT6	
7	2210100204	Nguyễn Thị Trúc Hương	04/09/2004		7.0	bảy	C24QT6	
8	2210100205	Đoái Dĩ Khang	18/01/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
9	2210100214	Nguyễn Đình Khôi	25/09/2004		6.5	sáu rưỡi	C24QT6	
10	2210100194	Nguyễn Hà My	04/09/2004		9.0	chín	C24QT6	
11	2210100211	Văn Thị Kim Ngân	27/09/2004		8.0	tám	C24QT6	
12	2210100195	Phạm Như Ngọc	21/09/2004		8.0	tám	C24QT6	
13	2210100190	Trần Thị Phương Nhi	14/06/2004		7.0	bảy	C24QT6	
14	2210100209	Võ Thị Quỳnh Như	29/02/2004		6.5	sáu rưỡi	C24QT6	
15	2210010126	Nguyễn Trần Tấn Tài	13/02/2003		6.5	sáu rưỡi	C24QT6	
16	2210100189	Nguyễn Ngọc Mỹ Tâm	05/02/2004		7.5	bảy rưỡi	C24QT6	
17	2210100208	Nguyễn Thị Hồng Thắm	31/08/2000		8.0	tám	C24QT6	
18	2210100197	Trương Huỳnh Cẩm Thu	15/11/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
19	2210100191	Lê Minh Thư	14/06/2004		8.0	tám	C24QT6	
20	2210100193	Đào Thị Ngọc Thương	03/11/2004		8.0	tám	C24QT6	
21	2210100198	Phan Thành Thương	16/02/2004		7.5	bảy rưỡi	C24QT6	
22	2210100183	Lê Hoàng Trọng Tín	18/07/2000		7.0	bảy	C24QT6	
23	2210100200	Phạm Trần Tuyết Trinh	21/02/2004		8.0	tám	C24QT6	
24	2210100185	Trần Thị Mộng Tuyền	15/10/2004		8.0	tám	C24QT6	
25	2210100201	Nguyễn Xuân Thúy Uyên	20/09/2004		8.0	tám	C24QT6	
26	2210100180	Nguyễn Trí Vinh	20/10/2004		9.0	chín	C24QT6	
27	2210100206	Trần Như Ý	09/10/2004		8.0	tám	C24QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 0. Số bài thi: 27 / 27.

Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 21 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


TS. Trần Thị Anh

Ngày 20 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Diễm Trinh

TRƯ
KHL

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104035

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403503

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Diễm Trinh - (04124)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100199	Trần Thái An	08/08/2004		8.0	tám	C24QT6	
2	2210100212	Lê Thị Hồng Anh	27/04/2003		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
3	2210100207	Lý Thảo Anh	30/06/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
4	2210100184	Nguyễn Lâm Tuấn Anh	23/03/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
5	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy Ái	18/09/2004		8.0	tám	C24QT6	
6	2210100213	Võ Trọng Hùng	20/10/2003		7.0	bảy	C24QT6	
7	2210100204	Nguyễn Thị Trúc Hương	04/09/2004		7.5	bảy rưỡi	C24QT6	
8	2210100205	Đoái Dĩ Khang	18/01/2004		8.0	tám	C24QT6	
9	2210100214	Nguyễn Đình Khôi	25/09/2004		8.0	tám	C24QT6	
10	2210100194	Nguyễn Hà My	04/09/2004		7.5	bảy rưỡi	C24QT6	
11	2210100211	Văn Thị Kim Ngân	27/09/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
12	2210100195	Phạm Như Ngọc	21/09/2004		8.0	tám	C24QT6	
13	2210100190	Trần Thị Phương Nhi	14/06/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
14	2210100209	Võ Thị Quỳnh Như	29/02/2004		8.0	tám	C24QT6	
15	2210010126	Nguyễn Trần Tấn Tài	13/02/2003		8.0	tám	C24QT6	
16	2210100189	Nguyễn Ngọc Mỹ Tâm	05/02/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
17	2210100208	Nguyễn Thị Hồng Thắm	31/08/2000		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
18	2210100197	Trương Huỳnh Cẩm Thu	15/11/2004		8.0	tám	C24QT6	
19	2210100191	Lê Minh Thư	14/06/2004		8.0	tám	C24QT6	
20	2210100193	Đào Thị Ngọc Thương	03/11/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
21	2210100198	Phan Thành Thương	16/02/2004		8.0	tám	C24QT6	
22	2210100183	Lê Hoàng Trọng Tín	18/07/2000		8.0	tám	C24QT6	
23	2210100200	Phạm Trần Tuyết Trinh	21/02/2004		8.0	tám	C24QT6	
24	2210100185	Trần Thị Mộng Tuyền	15/10/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
25	2210100201	Nguyễn Xuân Thúy Uyên	20/09/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
26	2210100180	Nguyễn Trí Vinh	20/10/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	
27	2210100206	Trần Như Ý	09/10/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 0. Số bài thi: 27 / 27.

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 04 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Thư ký

Ngày 20 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Diễm Trinh

TR
KI

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104035

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403503

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Diễm Trinh - (04124)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100222	Trần Trọng An	12/04/2002		7.0	bảy	C24QT7	
2	2210100220	Hồ Phát Đạt	15/07/2004		6.5	sáu rưỡi	C24QT7	
3	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc Hân	19/08/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT7	
4	2210100228	Nguyễn Đoàn Hồ	01/06/2004		6.0	sáu	C24QT7	
5	2210100224	Trương Thanh Ngân	12/01/2004		9.0	chín	C24QT7	
6	2210100226	Nguyễn Thị Thảo Nhi	12/01/2004		7.5	bảy rưỡi	C24QT7	
7	2210010115	Nguyễn Thanh Phú	30/07/2004		8.0	tám	C24QT7	
8	2210100227	Võ Ngọc Phi Phụng	24/05/2004		7.5	bảy rưỡi	C24QT7	
9	2210100229	Phạm Anh Quốc	19/11/2004		6.5	sáu rưỡi	C24QT7	
10	2210100218	Nguyễn Đức Tuyền	15/11/2004		8.5	tám rưỡi	C24QT7	
11	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo Vân	27/04/2004		8.0	tám	C24QT7	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 11 vắng thi: 0 . Số bài thi: 11 / 11 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 21 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 21 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG B.C CÔNG NGHỆ VÀ QTĐN

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104035

Mã lớp học phần: MH110403503

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Diễm Trinh - (04124)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100222	Trần Trọng An	12/04/2002		8.0	tám	C24QT7	
2	2210100220	Hồ Phát Đạt	15/07/2004		9.0	chín	C24QT7	
3	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc Hân	19/08/2004		7.5	bảy lăm	C24QT7	
4	2210100228	Nguyễn Đoàn Hồ	01/06/2004		8.0	tám	C24QT7	
5	2210100224	Trương Thanh Ngân	12/01/2004		7.5	bảy lăm	C24QT7	
6	2210100226	Nguyễn Thị Thảo Nhi	12/01/2004		7.5	bảy lăm	C24QT7	
7	2210010115	Nguyễn Thanh Phú	30/07/2004		8.0	tám	C24QT7	
8	2210100227	Võ Ngọc Phi Phụng	24/05/2004		7.5	bảy lăm	C24QT7	
9	2210100229	Phạm Anh Quốc	19/11/2004		9.0	chín	C24QT7	
10	2210100218	Nguyễn Đức Tuyển	15/11/2004		8.0	tám	C24QT7	
11	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo Vân	27/04/2004		8.0	tám	C24QT7	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 11 vắng thi: 0 . Số bài thi: 11 / 11 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 21 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Diễm Trinh

Ngày 20 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Diễm Trinh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104035

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403503

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Diễm Trinh - (04124)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy An	29/03/2004	<i>Thuy An</i>	7.0	<i>bảy</i>	C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan Anh	07/06/2003	<i>Anh</i>	8.5	<i>tám rưỡi</i>	C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim Anh	26/12/2004	<i>AZ</i>	9.0	<i>chín</i>	C24KT1	
4	2210110005	Trần Thị Bích Hằng	22/08/2002	<i>Hằng</i>	8.0	<i>tám</i>	C24KT1	
5	2210110010	Lê Thị Ngọc Hiền	14/07/2003	<i>Hiền</i>	8.0	<i>tám</i>	C24KT1	
6	2210110001	Nguyễn Thúy Hiền	17/11/2002	<i>Hiền</i>	10.0	<i>mười</i>	C24KT1	
7	2210110004	Nguyễn Thị Minh Hiếu	18/02/2000	<i>Hiếu</i>	8.5	<i>tám rưỡi</i>	C24KT1	
8	2210110027	Nguyễn Thị Hoàn	28/12/2000	<i>Hoàn</i>	9.0	<i>chín</i>	C24KT1	
9	2210110021	Dương Thị Diễm Kiều	20/09/2004				C24KT1	
10	2210110022	Dương Thị Trúc Linh	31/12/2004				C24KT1	
11	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú My	31/10/2004	<i>My</i>	8.0	<i>tám</i>	C24KT1	
12	2210110028	Trần Thanh Ngân	21/09/2004	<i>Ngân</i>	7.5	<i>bảy rưỡi</i>	C24KT1	
13	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan Nghi	02/08/2004	<i>Nghi</i>	8.0	<i>tám</i>	C24KT1	
14	2210110012	Phạm Nhật Thiên Nghi	15/10/2004	<i>Thiên Nghi</i>	8.0	<i>tám</i>	C24KT1	
15	2210110009	Lê Trung Nghĩa	04/10/2004	<i>Trung Nghĩa</i>	8.0	<i>tám</i>	C24KT1	
16	2210110013	Võ Ngọc Thảo Nhi	28/05/2004	<i>Nhi</i>	7.5	<i>bảy rưỡi</i>	C24KT1	
17	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh Như	07/02/2004	<i>Như</i>	7.5	<i>bảy rưỡi</i>	C24KT1	
18	2210110030	Đông Lê Uyên Phương	25/07/2004	<i>Uyên Phương</i>	9.0	<i>chín</i>	C24KT1	
19	2210110006	Nguyễn Duy Quang	16/07/2000	<i>Quang</i>	7.0	<i>bảy</i>	C24KT1	
20	2210110018	Nguyễn Thị Trúc Quyên	07/12/2004	<i>Quyên</i>	7.0	<i>bảy</i>	C24KT1	
21	2210110020	Trần Thị Cẩm Tiên	05/03/2004	<i>Tiên</i>	7.5	<i>bảy rưỡi</i>	C24KT1	
22	2210110011	Trần Thị Ngọc Trang	29/07/2004	<i>Trang</i>	8.0	<i>tám</i>	C24KT1	
23	2210110025	Ngô Quế Trân	15/02/2001	<i>Trân</i>	7.5	<i>bảy rưỡi</i>	C24KT1	
24	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	11/08/2002	<i>Trân</i>	8.0	<i>tám</i>	C24KT1	
25	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc Trinh	28/04/2004	<i>Trinh</i>	8.0	<i>tám</i>	C24KT1	
26	2210110024	Nguyễn Hùng Vương	21/03/2004	<i>Vương</i>	7.5	<i>bảy rưỡi</i>	C24KT1	
27	2210110014	Cao Thị Hoàng Yến	13/01/2004	<i>Yến</i>	8.5	<i>tám rưỡi</i>	C24KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 2 Số bài thi: 25 / 28

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 21 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Thưa Thầy

Ngày 20 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Diễm Trinh

TRƯC
KH

PHÒNG **BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ**
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104035

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403503

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Diễm Trinh - (04124)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy An	29/03/2004	Thuy An	9.0	chín	C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan Anh	07/06/2003	Anh	8.5	tám rưỡi	C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim Anh	26/12/2004	AZ	8.5	tám rưỡi	C24KT1	
4	2210110005	Trần Thị Bích Hằng	22/08/2002	Hằng	9.0	chín	C24KT1	
5	2210110010	Lê Thị Ngọc Hiền	14/07/2003	Ngọc Hiền	9.0	chín	C24KT1	
6	2210110001	Nguyễn Thúy Hiền	17/11/2002	Thúy Hiền	9.0	chín	C24KT1	
7	2210110004	Nguyễn Thị Minh Hiếu	18/02/2000	Minh Hiếu	7.5	bảy rưỡi	C24KT1	
8	2210110027	Nguyễn Thị Hoàn	28/12/2000	Hoàn	8.5	tám rưỡi	C24KT1	
9	2210110021	Dương Thị Diễm Kiều	20/09/2004				C24KT1	
10	2210110022	Dương Thị Trúc Linh	31/12/2004				C24KT1	
11	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú My	31/10/2004	My	9.0	chín	C24KT1	
12	2210110028	Trần Thanh Ngân	21/09/2004	Ngân	9.0	chín	C24KT1	
13	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan Nghi	02/08/2004	Nghi	9.0	chín	C24KT1	
14	2210110012	Phạm Nhựt Thiên Nghi	15/10/2004	Nhật Nghi	9.0	chín	C24KT1	
15	2210110009	Lê Trung Nghĩa	04/10/2004	Trung Nghĩa	9.0	chín	C24KT1	
16	2210110013	Võ Ngọc Thảo Nhi	28/05/2004	Nhi	9.0	chín	C24KT1	
17	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh Như	07/02/2004	Như	8.5	tám rưỡi	C24KT1	
18	2210110030	Đồng Lê Uyên Phương	25/07/2004	Uyên Phương	7.5	bảy rưỡi	C24KT1	
19	2210110006	Nguyễn Duy Quang	16/07/2000	Duy Quang	7.5	bảy rưỡi	C24KT1	
20	2210110018	Nguyễn Thị Trúc Quyên	07/12/2004	Trúc Quyên	7.5	bảy rưỡi	C24KT1	
21	2210110020	Trần Thị Cẩm Tiên	05/03/2004	Tiên	7.5	bảy rưỡi	C24KT1	
22	2210110011	Trần Thị Ngọc Trang	29/07/2004	Ngọc Trang	8.5	tám rưỡi	C24KT1	
23	2210110025	Ngô Quế Trân	15/02/2001	Trân	9.0	chín	C24KT1	
24	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	11/08/2002	Bảo Trân	8.5	tám rưỡi	C24KT1	
25	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc Trinh	28/04/2004	Kiên Ngọc Trinh	8.5	tám rưỡi	C24KT1	
26	2210110024	Nguyễn Hùng Vương	21/03/2004	Hùng Vương	8.5	tám rưỡi	C24KT1	
27	2210110014	Cao Thị Hoàng Yến	13/01/2004	Hoàng Yến	9.0	chín	C24KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 2. Số bài thi: 25 / 27.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 21 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Huệ

Ngày: 20 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Diễm Trinh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104035

Mã lớp học phần: MH110403503

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Diễm Trinh

Ngày thi: 16/11/2023

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1:

Văn Thị Hoa

Ký tên:

Baile

Giám thị 2:

Đào Thị Ngọc

Ký tên:

Đào

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Thur	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100191	Lê Minh	Thur	14/06/2004	<i>Thur</i>				C24QT6	
2	2210100193	Đào Thị Ngọc	Thương	03/11/2004	<i>Thư</i>				C24QT6	
3	2210100198	Phan Thành	Thương	16/02/2004	<i>Thương</i>				C24QT6	
4	2210110020	Trần Thị Cẩm	Tiên	05/03/2004	<i>Tiên</i>				C24KT1	
5	2210100183	Lê Hoàng Trọng	Tín	18/07/2000	<i>Tín</i>				C24QT6	
6	2210110011	Trần Thị Ngọc	Trang	29/07/2004	<i>Trang</i>				C24KT1	
7	2210110025	Ngô Quế	Trân	15/02/2001	<i>Trân</i>				C24KT1	
8	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	11/08/2002	<i>Trân</i>				C24KT1	
9	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	Trinh	28/04/2004	<i>Trinh</i>				C24KT1	
10	2210100200	Phạm Trần Tuyết	Trinh	21/02/2004	<i>Trinh</i>				C24QT6	
11	2210100185	Trần Thị Mộng	Tuyền	15/10/2004	<i>Tuyền</i>				C24QT6	
12	2210100218	Nguyễn Đức	Tuyền	15/11/2004					C24QT7	
13	2210100201	Nguyễn Xuân Thúy	Uyên	20/09/2004	<i>Uyên</i>				C24QT6	
14	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo	Vân	27/04/2004	<i>Vân</i>				C24QT7	
15	2210100180	Nguyễn Trí	Vinh	20/10/2004	<i>Vinh</i>				C24QT6	
16	2210110024	Nguyễn Hùng	Vương	21/03/2004	<i>Vương</i>				C24KT1	
17	2210110014	Cao Thị Hoàng	Yến	13/01/2004	<i>Yến</i>				C24KT1	
18	2210100206	Trần Như	Ý	09/10/2004	<i>Ý</i>				C24QT6	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 1 . Số bài thi/Số tờ: 10 / 1 .

Số sinh viên đạt: _____

Tỷ lệ đạt: _____%

Ngày 14 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Diễm Trinh

Ngày 10 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Diễm Trinh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2023-2024

Môn học: Pháp luật kinh tế

Mã bài thi: VWY907

Thời gian thi: 16/11/2023 07:45:00

Thời gian kết thúc: 16/11/2023 08:45:00

Giám thị 1: Nguyễn Thị Hoàng Ký tên: Nguyễn Thị Hoàng

Giám thị 2: Trần Thị Ngọc Ký tên: Trần Thị Ngọc

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100191	Lê Minh Thư	14/06/2004	<u>Thư</u>	6.6	Sáu, sáu	C24QT6	
2	2210100193	Đào Thị Ngọc Thương	03/11/2004	<u>Thương</u>	7.6	Bảy, sáu	C24QT6	
3	2210100198	Phan Thành Thương	16/02/2004	<u>Thương</u>	7.8	Bảy, tám	C24QT6	
4	2210110020	Trần Thị Cẩm Tiên	05/03/2004	<u>Tiên</u>	5.4	Năm, bốn	C24KT1	
5	2210100183	Lê Hoàng Trọng Tín	18/07/2000	<u>Tín</u>	5.2	Năm, hai	C24QT6	
6	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	11/08/2002	<u>Trân</u>	7	Bảy	C24KT1	
7	2210110025	Ngô Quê Trân	15/02/2001	<u>Trân</u>	6.8	Sáu, tám	C24KT1	
8	2210110011	Trần Thị Ngọc Trang	29/07/2004	<u>Trang</u>	6.8	Sáu, tám	C24KT1	
9	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc Trinh	28/04/2004	<u>Trinh</u>	5.6	Năm, sáu	C24KT1	
10	2210100200	Phạm Trần Tuyết Trinh	21/02/2004	<u>Trinh</u>	6	Sáu	C24QT6	
11	2210100185	Trần Thị Mộng Tuyền	15/10/2004	<u>Tuyền</u>	6.8	Sáu, tám	C24QT6	
12	2210100201	Nguyễn Xuân Thủy Uyên	20/09/2004	<u>Uyên</u>	4.8	Bốn, tám	C24QT6	
13	2210100230	Nguyễn Hoàng Thảo Vân	27/04/2004	<u>Vân</u>	5.2	Năm, hai	C24QT7	
14	2210100180	Nguyễn Trí Vinh	20/10/2004	<u>Vinh</u>	5.2	Năm, hai	C24QT6	
15	2210110024	Nguyễn Hùng Vương	21/03/2004	<u>Vương</u>	6.8	Sáu, tám	C24KT1	
16	2210100206	Trần Như Ý	09/10/2004	<u>Ý</u>	6.8	Sáu, tám	C24QT6	
17	2210110014	Cao Thị Hoàng Yên	13/01/2004	<u>Yên</u>	7	Bảy	C24KT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 17

Số sinh viên đạt: 17

Ngày 21 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Ngọc

Ngày 20 tháng 11 năm 2023

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Diễm Bích

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Pháp luật kinh tế - MH1104035

Mã lớp học phần: MH110403503

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Diễm Trinh

Ngày thi: 16/11/2023

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa Ký tên: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Giám thị 2: Nguyễn Thị Ngọc Ký tên: Nguyễn Thị Ngọc

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy An	29/03/2004	<u>Thuy An</u>				C24KT1	
2	2210100199	Trần Thái An	08/08/2004	<u>An</u>				C24QT6	
3	2210100222	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>An</u>				C24QT7	
4	2210110002	Hoàng Thị Lan Anh	07/06/2003	<u>Anh</u>				C24KT1	
5	2210110007	Hồ Thị Kim Anh	26/12/2004	<u>Anh</u>				C24KT1	
6	2210100212	Lê Thị Hồng Anh	27/04/2003	<u>Anh</u>				C24QT6	
7	2210100207	Lý Thảo Anh	30/06/2004	<u>Anh</u>				C24QT6	
8	2210100184	Nguyễn Lâm Tuấn Anh	23/03/2004	<u>Anh</u>				C24QT6	
9	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy Ái	18/09/2004	<u>Ái</u>				C24QT6	
10	2210100220	Hồ Phát Đạt	15/07/2004	<u>Đạt</u>				C24QT7	
11	2210110005	Trần Thị Bích Hằng	22/08/2002	<u>Hằng</u>				C24KT1	
12	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc Hân	19/08/2004	<u>Hân</u>				C24QT7	
13	2210110010	Lê Thị Ngọc Hiền	14/07/2003	<u>Hiền</u>				C24KT1	
14	2210110001	Nguyễn Thúy Hiền	17/11/2002	<u>Hiền</u>				C24KT1	
15	2210110004	Nguyễn Thị Minh Hiếu	18/02/2000	<u>Hiếu</u>				C24KT1	
16	2210110027	Nguyễn Thị Hoàn	28/12/2000	<u>Hoàn</u>				C24KT1	
17	2210100228	Nguyễn Đoàn Hồ	01/06/2004	<u>Hồ</u>				C24QT7	
18	2210100213	Võ Trọng Hùng	20/10/2003	<u>Hùng</u>				C24QT6	
19	2210100204	Nguyễn Thị Trúc Hương	04/09/2004	<u>Hương</u>				C24QT6	
20	2210100205	Đoái Dĩ Khang	18/01/2004	<u>Khang</u>				C24QT6	
21	2210100214	Nguyễn Đình Khôi	25/09/2004	<u>Khôi</u>				C24QT6	
22	2210100194	Nguyễn Hà My	04/09/2004	<u>My</u>				C24QT6	
23	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú My	31/10/2004	<u>My</u>				C24KT1	
24	2210110028	Trần Thanh Ngân	21/09/2004	<u>Ngân</u>				C24KT1	
25	2210100224	Trương Thanh Ngân	12/01/2004	<u>Ngân</u>				C24QT7	
26	2210100211	Văn Thị Kim Ngân	27/09/2004	<u>Ngân</u>				C24QT6	
27	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan Nghi	02/08/2004	<u>Nghi</u>				C24KT1	
28	2210110012	Phạm Nhật Thiên Nghi	15/10/2004	<u>Nghi</u>				C24KT1	
29	2210110009	Lê Trung Nghĩa	04/10/2004	<u>Nghĩa</u>				C24KT1	
30	2210100195	Phạm Như Ngọc	21/09/2004	<u>Ngọc</u>				C24QT6	
31	2210100226	Nguyễn Thị Thảo Nhi	12/01/2004	<u>Nhi</u>				C24QT7	
32	2210100190	Trần Thị Phương Nhi	14/06/2004	<u>Nhi</u>				C24QT6	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210110013	Võ Ngọc Thảo	Nhi	28/05/2004				C24KT1	
34	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	07/02/2004				C24KT1	
35	2210100209	Võ Thị Quỳnh	Như	29/02/2004				C24QT6	
36	2210010115	Nguyễn Thanh	Phú	30/07/2004				C24QT7	
37	2210100227	Võ Ngọc Phi	Phụng	24/05/2004				C24QT7	
38	2210110030	Đông Lê Uyên	Phương	25/07/2004				C24KT1	
39	2210110006	Nguyễn Duy	Quang	16/07/2000				C24KT1	
40	2210100229	Phạm Anh	Quốc	19/11/2004				C24QT7	
41	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	07/12/2004				C24KT1	
42	2210010126	Nguyễn Trần Tấn	Tài	13/02/2003				C24QT6	
43	2210100189	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tâm	05/02/2004				C24QT6	
44	2210100208	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	31/08/2000				C24QT6	
45	2210100197	Trương Huỳnh Cẩm	Thu	15/11/2004				C24QT6	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 44 vắng thi: 1 Số bài thi/Số tờ: 44 / 44
Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 11 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày 10 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Diễm Bình

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2023-2024

Môn học: Pháp luật kinh tế

Mã bài thi: P9N9ZA

Thời gian thi: 16/11/2023 07:45:00

Thời gian kết thúc: 16/11/2023 08:45:00

Giám thị 1: HIT Minh Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: NIN Hra Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100202	Hồ Huỳnh Thủy Ái	18/09/2004	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C24QT6	
2	2210100199	Trần Thái An	08/08/2004	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C24QT6	
3	2210100222	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C24QT7	
4	2210110015	Phạm Thị Thúy An	29/03/2004	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C24KT1	
5	2210110002	Hoàng Thị Lan Anh	07/06/2003	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C24KT1	
6	2210110007	Hồ Thị Kim Anh	26/12/2004	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C24KT1	
7	2210100184	Nguyễn Lâm Tuấn Anh	23/03/2004	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C24QT6	
8	2210100207	Lý Thảo Anh	30/06/2004	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C24QT6	
9	2210100212	Lê Thị Hồng Anh	27/04/2003	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C24QT6	
10	2210100220	Hồ Phát Đạt	15/07/2004	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C24QT7	
11	2210130015	Nguyễn Thị Ngọc Hân	19/08/2004	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C24QT7	
12	2210110005	Trần Thị Bích Hằng	22/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C24KT1	
13	2210110001	Nguyễn Thúy Hiền	17/11/2002	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C24KT1	
14	2210110010	Lê Thị Ngọc Hiền	14/07/2003	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C24KT1	
15	2210110004	Nguyễn Thị Minh Hiếu	18/02/2000	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C24KT1	
16	2210100228	Nguyễn Đoàn Hồ	01/06/2004	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C24QT7	
17	2210110027	Nguyễn Thị Hoàn	28/12/2000	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C24KT1	
18	2210100213	Võ Trọng Hùng	20/10/2003	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C24QT6	
19	2210100204	Nguyễn Thị Trúc Hương	04/09/2004	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C24QT6	
20	2210100205	Đoái Dĩ Khang	18/01/2004	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C24QT6	
21	2210100214	Nguyễn Đình Khôi	25/09/2004	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C24QT6	
22	2210100194	Nguyễn Hà My	04/09/2004	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C24QT6	
23	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú My	31/10/2004	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C24KT1	
24	2210100224	Trương Thanh Ngân	12/01/2004	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C24QT7	
25	2210100211	Văn Thị Kim Ngân	27/09/2004	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C24QT6	
26	2210110028	Trần Thanh Ngân	21/09/2004	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C24KT1	
27	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan Nghi	02/08/2004	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C24KT1	
28	2210110012	Phạm Nhật Thiên Nghi	15/10/2004	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C24KT1	
29	2210110009	Lê Trung Nghĩa	04/10/2004	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C24KT1	
30	2210100195	Phạm Như Ngọc	21/09/2004	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C24QT6	
31	2210100190	Trần Thị Phương Nhi	14/06/2004	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C24QT6	
32	2210110013	Võ Ngọc Thảo Nhi	28/05/2004	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C24KT1	
33	2210100226	Nguyễn Thị Thảo Nhi	12/01/2004	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C24QT7	
34	2210100209	Võ Thị Quỳnh Như	29/02/2004	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C24QT6	
35	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh Như	07/02/2004	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C24KT1	
36	2210010115	Nguyễn Thanh Phú	30/07/2004	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C24QT7	
37	2210100227	Võ Ngọc Phi Phụng	24/05/2004	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C24QT7	
38	2210110030	Đông Lê Uyên Phương	25/07/2004	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C24KT1	
39	2210100229	Phạm Anh Quốc	19/11/2004	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C24QT7	
40	2210110018	Nguyễn Thị Trúc Quyên	07/12/2004	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C24KT1	
41	2210010126	Nguyễn Trần Tân Tài	13/02/2003	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C24QT6	
42	2210100189	Nguyễn Ngọc Mỹ Tâm	05/02/2004	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C24QT6	
43	2210100208	Nguyễn Thị Hồng Thắm	31/08/2000	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C24QT6	

44	2210100197	Trương Huỳnh Cẩm Thu	15/11/2004		6.8	Sáu, tám	C24QT6	
----	------------	----------------------	------------	--	-----	----------	--------	--

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 44

Số sinh viên đạt: 44

Ngày 21 tháng 11 năm 2023**TRƯỞNG KHOA/PHÒNG**

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Huỳnh Cẩm ThuNgày 20 tháng 11 năm 2023**GIẢNG VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Diễm Bích